

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đã hợp nhất

Quý 01-2013


Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		491,916,162,860	327,732,857,659	491,916,162,860	327,732,857,659
2 Các khoản giảm trừ	02		2,533,973,011	2,942,414,467	2,533,973,011	2,942,414,467
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10	VI1	489,382,189,849	324,790,443,192	489,382,189,849	324,790,443,192
4 Giá vốn hàng bán	11	VI2	431,324,381,469	284,973,762,390	431,324,381,469	284,973,762,390
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d	20		58,057,808,380	39,816,680,802	58,057,808,380	39,816,680,802
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI3	6,412,336,766	5,737,736,776	6,412,336,766	5,737,736,776
7 Chi phí tài chính	22	VI4	14,314,045,819	16,206,142,647	14,314,045,819	16,206,142,647
• Trong đó : Lãi vay phải trả	23		14,292,499,142	15,741,941,214	14,292,499,142	15,741,941,214
8 Chi phí bán hàng	24	VI5	34,154,582,249	17,004,649,575	34,154,582,249	17,004,649,575
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI6	9,248,414,627	7,076,450,255	9,248,414,627	7,076,450,255
10 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 2	30		6,753,102,451	5,267,175,101	6,753,102,451	5,267,175,101
11 Thu nhập khác	31	VI7	701,813,899	2,229,052,423	701,813,899	2,229,052,423
12 Chi phí khác	32	VI8	939,905,940	231,366,092	939,905,940	231,366,092
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(238,092,041)	1,997,686,331	(238,092,041)	1,997,686,331
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+4	50		6,515,010,410	7,264,861,432	6,515,010,410	7,264,861,432
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)	60		6,515,010,410	7,264,861,432	6,515,010,410	7,264,861,432
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	70		160,678,888	(2,738,776,007)	160,678,888	(2,738,776,007)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Cty mẹ			6,354,331,522	10,003,637,439	6,354,331,522	10,003,637,439

Người lập biểu



Kế toán trưởng


Trần Minh Cảnh

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Tổng giám đốc


Doãn Lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý - Long Xuyên - An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
ĐÃ HỢP NHẤT**

(Quý 01 năm 2013)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối quý
I	Tài sản ngắn hạn	1,477,017,902,665	1,547,536,073,435
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	76,608,553,761	17,673,412,248
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7,252,931,953	58,993,931,953
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	581,418,045,196	676,504,088,446
4	Hàng tồn kho	776,791,039,337	751,459,641,471
5	Tài sản ngắn hạn khác	34,947,332,418	42,904,999,317
II	Tài sản dài hạn	961,215,984,842	969,281,829,063
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	546,578,816,514	532,378,872,806
	- Tài sản cố định hữu hình	270,723,404,277	244,141,915,946
	- Tài sản cố định vô hình	109,074,847,561	109,056,289,063
	- Tài sản cố định thuê tài chính	35,715,458,314	49,740,569,238
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131,065,106,362	129,440,098,559
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	397,450,446,168	417,762,946,168
5	Tài sản dài hạn khác	17,186,722,160	19,140,010,089
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,438,233,887,507	2,516,817,902,498
IV	Nợ phải trả	1,020,524,018,316	1,092,593,022,897
1	Nợ ngắn hạn	1,003,739,292,618	1,065,929,080,575
2	Nợ dài hạn	16,784,725,698	26,663,942,322
V	Vốn chủ sở hữu	1,416,805,554,349	1,423,159,885,871
1	Vốn chủ sở hữu	1,416,805,554,349	1,423,159,885,871
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	660,000,000,000	660,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	611,965,459,100	611,965,459,100
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	172,257,725,097	178,612,056,619
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	904,314,842	1,064,993,730
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,438,233,887,507	2,516,817,902,498

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	491,916,162,860	491,916,162,860
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,533,973,011	2,533,973,011
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	489,382,189,849	489,382,189,849
4	Giá vốn hàng bán	431,324,381,469	431,324,381,469
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58,057,808,380	58,057,808,380
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,412,336,766	6,412,336,766
7	Chi phí tài chính	14,314,045,819	14,314,045,819
8	Chi phí bán hàng	34,154,582,249	34,154,582,249
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,248,414,627	9,248,414,627
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,753,102,451	6,753,102,451
11	Thu nhập khác	701,813,899	701,813,899
12	Chi phí khác	939,905,940	939,905,940
13	Lợi nhuận khác	(238,092,041)	(238,092,041)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,515,010,410	6,515,010,410
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,515,010,410	6,515,010,410

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc



Đoãn Lôi



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31 tháng 03 năm 2013

Đã hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,547,536,073,435	1,477,017,902,665
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V01	17,673,412,248	76,608,553,761
1 Tiền	111		15,973,412,248	60,360,153,761
2 Các khoản tương đương tiền	112		1,700,000,000	16,248,400,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02	58,993,931,953	7,252,931,953
1 Đầu tư ngắn hạn	121		58,993,931,953	7,252,931,953
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu	130		676,504,088,446	581,418,045,196
1 Phải thu của khách hàng	131	V03	575,993,279,845	567,220,029,490
2 Trả trước cho người bán	132	V04	139,934,749,729	67,280,326,134
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V05	27,788,524,215	14,130,154,915
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V06	(67,212,465,343)	(67,212,465,343)
IV Hàng tồn kho	140	V07	751,459,641,471	776,791,039,337
1 Hàng tồn kho	141		755,825,749,253	781,157,147,119
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4,366,107,782)	(4,366,107,782)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		42,904,999,317	34,947,332,418
1 Chi phí trả trước	151		2,226,004,719	1,958,133,161
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,987,389,652	25,877,216,360
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V08	12,691,604,946	7,111,982,897
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		969,281,829,063	961,215,984,842
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị nội bộ	212		-	-
3 Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		532,378,872,806	546,578,816,514
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V09	244,141,915,946	270,723,404,277
- Nguyên giá	222		774,558,330,802	779,053,987,092
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(530,416,414,856)	(508,330,582,815)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V10	49,740,569,238	35,715,458,314
- Nguyên giá	225		52,769,163,206	36,781,113,206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3,028,593,968)	(1,065,654,892)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V11	109,056,289,063	109,074,847,561
- Nguyên giá	228		109,348,288,893	109,348,288,893
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(291,999,830)	(273,441,332)
4 Chi phí XDCB dở dang	230	V12	129,440,098,559	131,065,106,362
III Bất động sản đầu tư	240		-	-



- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V13	417,762,946,168	397,450,446,168
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		179,925,000,000	159,612,500,000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		244,504,000,000	244,504,000,000
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(6,666,053,832)	(6,666,053,832)
V Tài sản dài hạn khác	260	V14	19,140,010,089	17,186,722,160
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		15,591,080,089	14,397,672,160
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		3,548,930,000	2,789,050,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,516,817,902,498	2,438,233,887,507
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,092,593,022,897	1,020,524,018,316
I Nợ ngắn hạn	310		1,065,929,080,575	1,003,739,292,618
1 Vay ngắn hạn	311	V15	837,209,756,936	788,105,811,630
2 Phải trả cho người bán	312	V16	69,421,387,149	127,260,440,424
3 Người mua trả tiền trước	313	V17	33,741,921,488	13,259,617,315
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V18	2,360,067,526	2,055,642,476
5 Phải trả công nhân viên	315	V19	17,943,732,717	24,895,493,230
6 Chi phí phải trả	316		30,000,000	1,123,918,819
7 Phải trả cho nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác khác	319	V20	102,542,496,091	43,109,189,733
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2,679,718,668	3,929,178,991
II Nợ dài hạn	330		26,663,942,322	16,784,725,698
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V21	26,663,942,322	16,784,725,698
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1,423,159,885,871	1,416,805,554,349
IVốn chủ sở hữu	410	V22	1,423,159,885,871	1,416,805,554,349
1 Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		178,612,056,619	172,257,725,097
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

600168
CÔNG TY
CP
NAM VI
XUYỀN-T.

II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
III Lợi ích của cổ đông thiểu số			1,064,993,730	904,314,842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		2,516,817,902,498	2,438,233,887,507

Ngày 19 tháng 04 năm 2013

Người lập



Kế toán trưởng



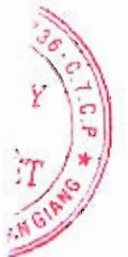
Trần Minh Cảnh



Chủ tịch đơn vị



Doãn Lôi



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

Đã hợp nhất

Quý 01/2013

Đơn vị tính: đồng


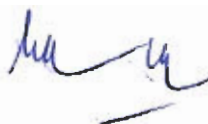
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		489,199,536,738	483,101,022,956
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(430,948,595,104)	(331,489,363,771)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(54,423,075,015)	(33,180,827,497)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(15,386,417,961)	(18,208,161,989)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(4,343,055)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		209,575,393,623	736,094,963,827
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(145,585,557,325)	(771,786,045,038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52,431,284,956	64,527,245,433
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(54,705,000,000)	(91,194,084,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,502,002,000	71,498,617,206
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31,025,275,100)	(49,108,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,023,627,478	247,093,377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74,204,645,622)	(64,556,373,417)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		699,821,488,022	475,848,809,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(736,974,268,869)	(498,888,743,327)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37,161,780,847)	(23,039,934,327)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(58,935,141,513)	(23,069,062,311)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76,608,553,761	150,359,706,491
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V01	17,673,412,248	127,290,644,180

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 04 năm 2012

Tổng giám đốc

Trần Minh Cảnh



Doãn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã bán 8.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần cromit Nấm Việt (Công ty con). Công ty chỉ còn nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cromit Nam Việt.

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Piazza's Seafood World., LLC trong Công ty TNHH thủy sản Biển Đông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT- BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng, Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc và thiết bị

07 - 09

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo Phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Cromit Nam Việt sẽ được khấu hao từ khi bắt đầu sản xuất (tháng 01 năm 2011) cho thời gian sử dụng còn lại.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

10. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo qui định của giấy chứng nhận đầu tư số 57104100001 ngày 02 tháng 07 năm 2007. Công ty TNHH MTV An Độ Dương có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất hoạt động sản xuất chế biến thủy sản 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Công ty TNHH MTV An Độ Dương được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 số 521022000154 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp. Thuế suất thuế TNDN 25%.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	100%
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	90,82%

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tiền mặt	463,663,691	1,477,373,632
Tiền gửi ngân hàng	15,509,748,557	58,882,780,129
Các khoản tương đương tiền (*)	1,700,000,000	16,248,400,000
Cộng	<u>17,673,412,248</u>	<u>76,608,553,761</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Cho cá nhân vay	765,930,340	779,930,340
Cho công ty CP Cromit Nam Việt vay	58,228,001,613	6,023,001,613
Cho công ty TNHH Đại Tây Dương vay		450,000,000
Cộng	<u>58,993,931,953</u>	<u>7,252,931,953</u>

3. Các khoản phải thu

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	437,699,629,778	461,743,161,541
Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương (**)	75,434,526,340	73,775,840,499
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	62,859,123,727	31,701,027,450
Cộng	<u>575,993,279,845</u>	<u>567,220,029,490</u>

(*) Tại công ty CP. Nam Việt

Phải thu bán thành phẩm	290,652,133,628
Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ	94,671,321,681
Phải thu tiền thoái vốn CP Cromit Nam Việt	25,293,101,305
Phải thu tiền hóa chất	11,512,195,051
Phải thu lãi cho Cromit Nam Việt vay	11,739,286,400
Phải thu bán tài sản	2,127,864,728
Phải thu bán Gelatin	981,268,065
Phải thu bán phụ phẩm	492,005,000
Thu khác	230,453,920
Cộng	<u>437,699,629,778</u>

(**) Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương

Phải thu bán thành phẩm	75,432,933,340
Thu khác	1,593,000
Cộng	<u>75,434,526,340</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**4. Trả trước người bán**

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	137,842,778,051	65,332,288,562
Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	2,076,971,678	1,933,037,572
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	15,000,000	15,000,000
Cộng	<u>139,934,749,729</u>	<u>67,280,326,134</u>

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

<i>Đầu tư nuôi cá</i>	77,634,780,994
<i>Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá</i>	31,331,973,232
<i>Lắp đặt khung nhú tháp nhà máy thức ăn</i>	19,010,873,598
<i>Ứng trước chi phí gia công Genlatin</i>	2,823,038,203
<i>Mua tài sản</i>	1,847,989,034
<i>Mua thiết bị lắp đặt lò hơi</i>	1,646,700,000
<i>Tham gia hội chợ</i>	1,094,194,903
<i>Ứng trước mua cá biển</i>	620,302,112
<i>Mua vật tư và các loại khác</i>	1,832,925,975
Cộng	<u>137,842,778,051</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Lãi cho vay	3,401,420,928	6,976,163,708
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu phải thu	6,662,870,479	5,502,097
Chi hộ cước vận chuyển cty CP Ba Long	69,435,270	69,435,270
Tiền, vật tư cho mượn	12,690,850,000	2,696,489,691
Các khoản phải thu khác	4,963,947,538	4,382,564,149
Cộng	<u>27,788,524,215</u>	<u>14,130,154,915</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	67,212,465,343	67,212,465,343
Cộng	<u>67,212,465,343</u>	<u>67,212,465,343</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2,642,746,090	16,931,035,809
Nguyên vật liệu	44,856,030,465	36,192,670,964
Công cụ dụng cụ	2,974,359,190	2,960,781,579
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	468,666,519,997	441,113,613,383
Thành phẩm	209,017,415,572	253,846,643,459
Hàng hóa	16,155,056,186	16,435,958,851
Hàng gửi đi bán	11,513,621,753	13,676,443,074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,366,107,782)	(4,366,107,782)
Cộng	<u>751,459,641,471</u>	<u>776,791,039,337</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí nuôi cá	467,480,772,036
Chi phí sản xuất bao bì dở dang	776,422,238
Chi phí sản xuất thuốc dở dang	409,325,723
Cộng	468,666,519,997

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2013	31/12/2012
Tạm ứng mua hàng	12,602,789,147	6,758,297,630
Ký quỹ	88,815,799	353,685,267
Cộng	12,691,604,946	7,111,982,897

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2012	<u>255,743,156,978</u>	<u>465,448,547,587</u>	<u>46,739,864,790</u>	<u>11,122,417,737</u>	<u>779,053,987,092</u>
Tăng trong kỳ	5,635,845,224	3,817,387,238	1,010,336,000		10,463,568,462
Giảm trong kỳ		(14,959,224,752)			(14,959,224,752)
Tại ngày 31/03/2013	<u>261,379,002,202</u>	<u>454,306,710,073</u>	<u>47,750,200,790</u>	<u>11,122,417,737</u>	<u>774,558,330,802</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 31/12/2012	<u>173,762,419,436</u>	<u>291,777,840,025</u>	<u>32,938,983,725</u>	<u>9,851,339,629</u>	<u>508,330,582,815</u>
Tăng trong kỳ	7,983,639,293	13,285,687,876	1,570,743,945	167,192,927	23,007,264,041
Giảm trong kỳ		(921,432,000)			(921,432,000)
Tại ngày 31/03/2013	<u>181,746,058,729</u>	<u>304,142,095,901</u>	<u>34,509,727,670</u>	<u>10,018,532,556</u>	<u>530,416,414,856</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm 2013	<u>81,980,737,542</u>	<u>173,670,707,562</u>	<u>13,800,881,065</u>	<u>1,271,078,108</u>	<u>270,723,404,277</u>
Số dư cuối quý 1/2013	<u>79,632,943,473</u>	<u>150,164,614,172</u>	<u>13,240,473,120</u>	<u>1,103,885,181</u>	<u>244,141,915,946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2012	<u>36,781,113,206</u>	<u>36,781,113,206</u>
Tăng trong kỳ	15,988,050,000	15,988,050,000
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/03/2013	<u>52,769,163,206</u>	<u>52,769,163,206</u>
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 31/12/2012	<u>1,065,654,892</u>	<u>1,065,654,892</u>
Tăng trong kỳ	1,962,939,076	1,962,939,076
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/03/2013	<u>3,028,593,968</u>	<u>3,028,593,968</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm 2013	<u>35,715,458,314</u>	<u>35,715,458,314</u>
Số dư cuối quý 1/2013	<u>49,740,569,238</u>	<u>49,740,569,238</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2012	<u>108,856,719,893</u>	<u>491,569,000</u>	<u>109,348,288,893</u>
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>491,569,000</u>	<u>109,348,288,893</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2012		<u>273,441,332</u>	<u>273,441,332</u>
Tăng trong kỳ		18,558,498	• 18,558,498
Giảm trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2013		<u>291,999,830</u>	<u>291,999,830</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm 2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>218,127,668</u>	<u>109,074,847,561</u>
Số dư cuối quý 1/2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>199,569,170</u>	<u>109,056,289,063</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2012	<u>131,065,106,362</u>
Tăng trong kỳ	9,184,193,641
Giảm trong kỳ	10,809,201,444
Tại ngày 31/03/2013	<u>129,440,098,559</u>

Trong đó:

Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	97,255,278,739
Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	22,577,148,738
Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn	8,487,664,967
Chi phí khác	1,120,006,115
Cộng	<u>129,440,098,559</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	179,925,000,000	159,612,500,000
Đầu tư chứng khoán (2*)	188,200,000,000	188,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác (3*)	56,304,000,000	56,304,000,000
DP giảm giá ĐTTC dài hạn	(3,666,053,832)	(6,666,053,832)
Cộng	<u>420,762,946,168</u>	<u>397,450,446,168</u>

(*) Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	159,612,500,000		
(2*) 2- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(3*) 1- Góp vốn Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bán Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5,000,000,000	-	-
5- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000		
6- Góp vốn cty CP Cromit Nam Việt	11,000,000,000		

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Chi phí trả trước dài hạn	15,591,080,089	14,397,672,160
Ký quỹ	3,548,930,000	2,789,050,000
Cộng	<u>19,140,010,089</u>	<u>17,186,722,160</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	274,249,349,245	294,376,409,245
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	79,446,642,789	71,188,278,305
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - AG	173,400,000,000	132,000,000,000
Ngân hàng Phát Triển - CN An Giang	78,600,000,000	48,000,000,000
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển -CN Châu Đốc	117,126,180,106	122,285,250,375
Cá Nhân	93,307,528,844	94,711,528,844
Nợ dài hạn đến hạn trả NH An Bình, ACB	21,080,055,952	25,544,344,861
Cộng	<u>837,209,756,936</u>	<u>788,105,811,630</u>

16. Phải trả người bán

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	57,098,752,284	114,904,355,933
Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	1,811,382,658	2,519,078,189
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông(**)	10,511,252,207	9,837,006,302
Cộng	<u>69,421,387,149</u>	<u>127,260,440,424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt**

Mua nguyên liệu SX thức ăn cho cá	12,869,748,591
Mua bao bì, giấy	9,166,332,164
Mua hóa chất, thuốc thủy sản	8,646,298,421
Cước, vận chuyển	8,012,683,504
Mua cổ phần Công ty TNHH TS Biển Đông	3,499,104,000
Chi đầu tư nuôi cá	3,388,308,537
Lắp đặt trạm biến áp nhà máy thức ăn	2,574,182,998
Mua máy móc, thiết bị	2,187,271,856
Lắp đặt dây chuyền chế biến thức ăn	1,776,314,730
Cài tạo nồi hơi đốt than nhà máy thức ăn	1,372,000,000
Chi phí thuê đào ao nuôi cá	848,088,425
Phải trả mua vật tư, dịch vụ khác	2,758,419,058
Cộng	57,008,752,284

() Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông**

Mua thành phẩm fillet	9,552,725,455
Phải trả mua vật tư, dịch vụ khác	958,526,752
Cộng	10,511,252,207

17. Người mua trả tiền trước

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	32,720,995,412	13,020,949,263
Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	1,020,926,076	238,668,052
Cộng	33,741,921,488	13,259,617,315

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Bán nồi hơi đốt trấu	17,522,502,223
Bán thành phẩm cá fillet	12,796,498,021
Bán phụ phẩm	1,496,546,148
Khác	905,449,020
Cộng	32,720,995,412

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Thuế GTGT	784,119,869	461,637,713
Thuế xuất nhập khẩu	972,009,385	775,091,786
Thuế thu nhập doanh nghiệp		199,720,976
Thuế thu nhập cá nhân	598,440,892	613,366,121
Thuế tài nguyên	5,497,380	5,825,880
Cộng	2,360,067,526	2,055,642,476

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**19. Phải trả công nhân viên**

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	17,943,732,717	24,895,493,230
Cộng	<u>17,943,732,717</u>	<u>24,895,493,230</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	96,829,189,958	38,108,775,821
Bảo hiểm phải nộp	2,229,548,334	1,200,047,194
Cổ tức phải trả	913,684,500	922,684,500
Phải trả phải nộp khác	2,570,073,299	2,877,682,218
Cộng	<u>102,542,496,091</u>	<u>43,109,189,733</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công Ty Cho Thuê Tài Chính NH Á Châu	26,663,942,322	16,784,725,698
Cộng	<u>26,663,942,322</u>	<u>16,784,725,698</u>

Khoản vay Ngân hàng An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

+ Số tiền vay : 270,000,000,000 VNĐ
 + Thời hạn vay : 6 năm

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Vốn chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>172,257,725,097</u>
Tăng trong kỳ				10,726,451,544
Giảm trong kỳ				4,372,120,022
Số dư tại ngày 31/03/2013	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>178,612,056,619</u>

Mệnh giá cổ phần: 10,000 VND

Tổng số cổ phần : 66,000,000 CP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Doanh thu bán thành phẩm	432,892,019,485	253,492,221,757
Doanh thu bán phụ phẩm	52,935,887,440	40,846,122,652
Doanh thu bán quặng và ferocrom		29,255,687,121
Doanh thu bán thức ăn viên	502,591,667	
Doanh thu bán Genlatin	988,040,877	323,653,585
Doanh thu khác	2,063,650,380	872,758,077
Cộng	<u>489,382,189,849</u>	<u>324,790,443,192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Giá vốn bán thành phẩm	371,196,088,370	215,633,519,921
Giá vốn bán phụ phẩm	57,059,020,289	38,594,502,834
Giá vốn bán quặng và ferocrom		29,637,853,439
Giá vốn thức ăn viên	392,611,600	
Giá vốn Genlatin	580,028,778	245,733,840
Giá vốn khác	2,096,632,432	862,152,356
Cộng	431,324,381,469	284,973,762,390

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,566,134,222	3,481,900,975
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,027,500,000	201,568,048
Lãi chênh lệch tỷ giá	818,702,544	2,054,267,753
Cộng	6,412,336,766	5,737,736,776

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Lãi vay	14,292,499,142	15,741,941,214
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21,546,677	464,201,433
Cộng	14,314,045,819	16,206,142,647

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Cước tàu, vận chuyển	24,944,706,744	10,176,866,532
Chi phí khác	9,209,875,505	6,827,783,043
Cộng	34,154,582,249	17,004,649,575

6. Chi phí QLDN

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Khấu hao	447,206,880	1,105,268,325
Chi phí lương phải trả	4,221,381,855	3,504,763,168
Chi phí quản lý khác	4,579,825,892	2,466,418,762
Cộng	9,248,414,627	7,076,450,255

7. Thu nhập khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Thu từ bán thanh lý tài sản	77,272,726	897,769,450
Thu nhập khác	624,541,173	1,331,282,973
Cộng	701,813,899	2,229,052,423

8. Chi phí khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Chi phí thanh lý tài sản	338,624,332	
Chi phí khấu hao tài sản	185,314,072	
Chi phí khác	415,967,536	231,366,092
Cộng	939,905,940	231,366,092

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VII. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của các công ty trong tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

* Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Ban Tổng Giám Đốc

Giao dịch trong quý

Trả vay cho ông Doãn Tới

1,404,000,000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ban Tổng Giám Đốc

Số cuối quý

Phải trả tiền vay ông Doãn Tới

3,307,528,844

Phải trả tiền vay bà Dương Thị Kim Hương

90,000,000,000

* Giao dịch với các bên liên quan khác.

- Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem đầu tư liên kết.
- Công ty TNHH Đại Tây Dương là công ty của thành viên gia đình Tổng giám Đốc.
- Công ty TNHH Thanh Thiên là công ty của thành viên gia đình Tổng giám Đốc.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Giao dịch trong quý

Đại Tây Dương trả vay

450,000,000

Đại Tây Dương trả ứng

1,044,450,000

Cộng:

1,494,450,000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các công ty liên quan.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Số cuối quý

Phải thu thoái vốn cổ phần Cromit Nam Việt

27,805,298,954

Phải thu khoản chi hộ phí xuất khẩu ủy thác

82,095,533,685

Phải thu vật tư cho mượn

11,512,195,051

Phải thu phí ủy thác

10,060,252,247

Phải thu khác

2,701,782,506

Cộng:

134,175,062,442

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Số cuối quý

Phải trả mua thành phẩm

229,406,185

Trả trước tiền thuê gia công

2,823,038,203

Cộng:

3,052,444,388

Lập biểu

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2013

Tổng giám đốc



Trần Minh Cảnh

Doãn Tới